

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/DS-ST
Ngày: 11-11-2020
“*V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,
TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phường;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ánh;
2. Bà Hồ Thị Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 21 tháng 10 năm 2020 và ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 311/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 481/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp MP 2, xã MQ, huyện TM, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh **Dương Nhật Đ**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp 5, xã ĐBK, huyện TM, Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2020.

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Phan Thanh C**, sinh năm 1985;

2.2. Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Ấp MT B, xã MA, huyện TM, Đồng Tháp.

*(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa,
bị đơn vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm anh Dương Nhật Đ là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày:

Vào ngày 17/3/2020 (dương lịch), chị L có cho anh C và chị S vay số tiền là 500.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/1.000.000 đồng/ngày, hẹn đến 18/3/2020 sẽ trả lại số tiền trên, khi vay thì anh C và chị S nói là đáo hạn ngân hàng 01 ngày sau ngân hàng giải ngân sẽ trả lại cho chị L. Khi thỏa thuận vay tiền thì có mặt anh C và chị S, khi giao tiền thì chỉ có anh C nhận tiền do chị S bận làm công nhân cho Công ty Tỷ Thạc nên không ra được nhưng chị L có điện cho chị S và chị S nói cứ đưa tiền cho anh C để vô trả ngân hàng nên chị L mới giao tiền cho anh C và anh C có viết “biên nhận mượn tiền ngày 17/3/2020”. Do khi do giao tiền không có mặt chị S nên khi làm biên nhận mượn tiền trên thì chỉ có anh C ký tên, ghi họ, tên và lăn tay. Khi giao tiền thì chị L giao tiền trực tiếp cho anh C tại Công viên trước cửa UBND huyện Tháp Mười. Đối với các chữ viết ở phần nội dung biên nhận mượn tiền là do anh C viết, còn chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Huỳnh Thị L là của chị L. Đối với toàn bộ lời trình bày trên thì chị L có biên nhận mượn tiền trên và 02 đoạn ghi âm làm chứng cứ. Đối với 02 đoạn ghi âm thì chị L cam kết giọng nói trong 02 đoạn ghi âm trên là của chị L và chị S, nếu sai chị L xin chịu trách nhiệm. Từ khi chị L nộp đơn khởi kiện đến nay thì anh C có liên hệ với chị L kêu chị L trả tiền cho ngân hàng thay cho anh C để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra rồi anh C mới làm thủ tục sang tên qua cho chị L đứng tên phần đất khoảng gần 20 công đất ruộng, tọa lạc bên tỉnh Long An. Đối với việc này chị L cũng đồng ý nhưng khi chị L yêu cầu anh C cùng đến ngân hàng trả nợ, để khi trả xong lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra qua bên Công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng luôn thì anh C không đồng ý nên chị L không thực hiện phương án trên. Đồng thời, từ ngày vay đến nay thì anh C và chị S không có trả vốn hoặc lãi gì cho chị L.

Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C và chị S phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị L số tiền nợ vay vốn là 500.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 19/3/2020 đến ngày 19/10/2020 tổng cộng là 07 tháng, thành tiền 500.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng = 29.050.000 đồng. Ngoài ra, chị L không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh C và chị S mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

- + Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản sao);
- + Biên nhận mượn tiền ghi ngày 17/3/2020 (bản chính);
- + Hợp đồng ủy quyền và giấy ủy quyền;
- + Xác nhận của Công an xã Mỹ An;
- + 01 USB có chứa 02 đoạn ghi âm.

- Bị đơn không có nộp tài liệu chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10 tháng 9 năm 2020.

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không.*

** Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C và chị S phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị L số tiền nợ vay vốn là 500.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 19/3/2020 đến ngày 19/10/2020 tổng cộng là 07 tháng, thành tiền 500.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng = 29.050.000 đồng. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp MT B, xã MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 492/2020/QĐST-DS ngày 21/10/2020 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Mai Văn Thanh, ông Lê Văn Vững và Thư ký phiên tòa ông Trần Văn Jét. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Thanh, ông Vững và ông Jét bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Nguyễn Văn Ánh, bà Hồ Thị Thủy là Hội thẩm nhân dân dự khuyết và bà Phạm Thị Thi là Thư ký Tòa án. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh C và chị S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C và chị S.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị L cho rằng vào ngày 17/3/2020, anh C và chị S có vay của chị L với số tiền 500.000.000 đồng, để anh C và chị S đáo hạn ngân hàng; thời hạn vay thỏa thuận là 01 ngày; từ khi vay đến nay, anh C và chị S chưa trả cho chị L được khoản tiền vốn hoặc lãi nào. Xét thấy, lời trình bày trên là có cơ sở và việc chị L có cho anh C và chị S vay tiền là có thật, thể hiện qua “biên nhận mượn tiền ngày 17/3/2020”. Đây là hợp đồng vay có thời hạn, đến nay hợp đồng vay đã quá hạn. Phía anh C và chị S đến nay đã chưa trả nợ vốn cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự. Đối với anh C và chị S đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 19/3/2020 đến ngày 19/10/2020 (tổng cộng 07 tháng), với mức lãi suất là 0,83%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm anh Đ trình bày khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/1.000.000 đồng/ngày, chị L chỉ trình bày như vậy chứ không có chứng cứ gì chứng minh và cũng không có ai chứng kiến hoặc biết việc thỏa thuận này. Đồng thời, theo “biên nhận mượn tiền ngày 17/3/2020” không có ghi nội dung thỏa thuận về lãi suất. Do đó, không có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là có thỏa thuận lãi suất như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, nay chị L cũng chỉ yêu cầu về lãi suất theo trường hợp anh C và chị S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày anh C và chị S vi phạm nghĩa vụ trả nợ là từ ngày 19/3/2020 đến ngày 19/10/2020 (tổng cộng 07 tháng), với mức lãi suất là 0,83%/tháng là phù với quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi cụ thể: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 29.050.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu chị S cùng liên đới với anh C trả số tiền nợ gốc và lãi trên, Hội đồng xét xử xét thấy, theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thì khi thỏa thuận vay tiền thì có mặt anh C và chị S, khi giao tiền thì chỉ có anh C nhận tiền do chị S bận làm công nhân cho Công ty Tỷ Thạc nên không ra được nhưng chị L có điện cho chị S và chị S nói cứ đưa tiền cho anh C để vô trả ngân hàng nên chị L mới giao tiền cho anh C và anh C có viết “biên nhận mượn tiền ngày 17/3/2020”. Do khi do giao tiền không có mặt chị S nên khi làm biên nhận mượn tiền trên thì chỉ có anh C ký tên, ghi họ, tên và lăn tay. Đối với việc này thì chị L có 02 đoạn ghi âm đã nộp cho Tòa án làm chứng cứ, ngoài ra chị L không còn chứng cứ gì khác. Xét lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có cơ sở, vì: Thứ nhất: Mặc dù chị S không có ký tên vào “biên nhận mượn tiền ngày 17/3/2020” nhưng theo nội dung đoạn ghi âm thể hiện chị S biết việc hai bên có giao kết hợp đồng vay tài sản và khi chị L giao tiền cho anh C thì do không có mặt chị S nên chị L có điện thoại cho chị S thì chị S xác nhận là chị S và anh C cùng vay của chị L số tiền 500.000.000 đồng, nên chị L giao số tiền trên nhưng do chị S không xin công ty nghỉ được nên chị S kêu chị L cứ đưa số tiền trên cho anh C để anh C đáo nợ ngân hàng. Do đó, có đủ cơ sở để xác định chị S biết việc hai bên giao kết hợp đồng vay tài sản và khi chị L giao tiền cho anh C thì chị S có xác nhận qua điện thoại là cùng với anh C vay số tiền trên của chị L và kêu chị L giao số tiền trên cho anh C để đáo nợ ngân hàng; Thứ hai: Đối với chị S đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng

ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[6] Về án phí:

- Chị L không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Anh C và chị S phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị L.

Buộc anh Phan Thanh C và chị Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị Huỳnh Thị L số tiền nợ vay vốn là 500.000.000 đồng và tiền lãi 29.050.000 đồng; Tổng cộng: 529.050.000 đồng (Năm trăm hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

- Chị Huỳnh Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Luyên 12.083.000 đồng (Mười hai triệu, không trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0000592 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Phan Thanh C và chị Nguyễn Thị S phải liên đới chịu 25.162.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Thị).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phường

